

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 11 - 2019

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Diện

2. Ông Phan Thanh Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm: 1995;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Hà Công P, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03 tháng 7 năm 2019 và bản tự khai, tại các phiên hoà giải, nguyên đơn, chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Hà Công P có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình, vào ngày 27 tháng 5 năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nên thường xảy ra cãi vã, anh P có hành động vũ phu đối với chị, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa. Nay, chị nhận thấy tình cảm đối với anh P không còn nên có nguyện vọng mong muốn được ly hôn với anh P để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung, quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Hà Quốc B, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2013. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ gì của ai và không ai nợ vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, giấy triệu tập nhiều lần cho anh P nhưng anh P không có mặt tại Tòa án để giải quyết. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường Q, Công an phường Q như sau: Hiện tại anh Hà Công P có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; UBND phường Q đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và cử người đến nhà giao cho anh P, nhưng do anh P hiện đang đi làm ăn nên Ủy ban đã giao lại cho mẹ đẻ anh P là bà Nguyễn Thị Thái H và bà H đã thông báo kịp thời cho anh P khi anh P trở về nhà. Tuy nhiên, do điều kiện công việc nên anh P không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật. Ngày 24 tháng 9 năm 2019, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập chị L, anh P đến tham gia phiên tòa vào ngày 18 tháng 10 năm 2019, nhưng anh P vắng mặt nên Tòa án phải hoãn phiên tòa. Qua xác minh tại UBND phường Q xác định: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo hoãn phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến phiên tòa của Tòa án đã được Ủy ban tổng đạt hợp lệ cho anh P. Ngày 05 tháng 11 năm 2019, Tòa án tiếp tục mở phiên tòa lần hai và triệu tập các bên đương sự đến phiên tòa nhưng anh P vẫn tiếp tục vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật, việc chấp hành của nguyên đơn từ khi thụ lý đến đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Tòa án gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Hà Công P; căn cứ vào Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Hà Công P; giao con Hà Quốc B, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2013 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị L không yêu cầu. Sau ly hôn anh P có quyền qua lại thăm nom con, không ai được ngăn cản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Trần Thị L có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Hà Công P. Hiện tại anh P đang có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Đ (nay là Đình Chùa), phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Hà Công P. Xét thấy, bị đơn đã được Tòa án nhân dân thị xã B triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai những vắng mặt không có lý do. Vì vậy, cần căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Hà Công P.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nên tình cảm không còn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị L kiên quyết xin được ly hôn với anh P.

Đối với anh Hà Công P, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đầy đủ, biết rõ việc chị L làm đơn xin ly hôn và vụ án đang được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, nhưng các lần Tòa án triệu tập đều không có mặt để tham gia giải quyết và trình bày nguyện vọng về quan hệ hôn nhân của mình. Mặt khác, theo trình bày của chị L và kết quả xác minh cho thấy, trong khoảng thời gian dài xảy ra mâu thuẫn, anh P không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh P không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đồng thời căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn với anh P là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống chị L và anh P có 01 con chung như chị L đã trình bày. Nếu ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con

chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Quá trình xác minh, cháu Hà Quốc B hiện tại đang ở cùng mẹ, đã ổn định cuộc sống và học tập. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình giao con cho chị Lương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, anh Hà Công P

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, chị Trần Thị L. Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Hà Công P.

3. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Hà Quốc B, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2013 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con, do chị L không yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002464 ngày 05 tháng 7 năm 2019. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà